



**Tổng Công ty Cổ phần
Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Bà Ngô Minh Châu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Koo Liang Kwee	Phó Tổng Giám đốc
Bà Venus Teoh Kim Wei	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn
	- Nguyễn Chí Thanh

Ủy ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00348-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		20.333.528.846.947	20.009.862.784.505
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	1.364.133.445.678	2.611.792.885.629
Tiền	111		64.133.445.678	91.792.885.629
Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000.000	2.520.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.110.000.000.000	16.211.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	17.110.000.000.000	16.211.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.211.891.472.337	771.967.844.932
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	579.001.056.809	216.896.685.146
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.652.031.708	8.498.629.359
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	937.073.893.950	870.408.040.557
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10(a)	(323.835.510.130)	(323.835.510.130)
Hàng tồn kho	140	11(a)	491.326.492.922	318.407.089.213
Hàng tồn kho	141		515.473.681.075	346.164.192.220
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(24.147.188.153)	(27.757.103.007)
Tài sản ngắn hạn khác	150		156.177.436.010	96.694.964.731
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	133.369.810.570	59.188.031.592
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	12.464.531.235
Thuế phải thu Nhà nước	153	19(b)	22.807.625.440	25.042.401.904

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.325.383.912.860	5.426.363.614.483
Các khoản phải thu dài hạn	210		317.618.819.874	317.605.589.874
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	346.487.699.779	346.474.469.779
Dự phòng phải thu khó đòi	219	10(b)	(32.868.879.905)	(32.868.879.905)
Tài sản cố định	220		1.307.614.323.534	1.372.102.664.799
Tài sản cố định hữu hình	221	13	457.452.680.058	519.922.692.044
Nguyên giá	222		3.661.135.722.687	3.659.599.957.414
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.203.683.042.629)	(3.139.677.265.370)
Tài sản cố định vô hình	227	14	850.161.643.476	852.179.972.755
Nguyên giá	228		982.485.975.769	982.085.975.769
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(132.324.332.293)	(129.906.003.014)
Bất động sản đầu tư	230	15	26.598.386.783	29.527.891.877
Nguyên giá	231		45.862.629.046	45.862.629.046
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.264.242.263)	(16.334.737.169)
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.165.365.101	24.342.956.863
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	29.165.365.101	24.342.956.863
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.483.029.593.010	3.478.498.852.408
Đầu tư vào các công ty con	251	7(c)	2.877.202.995.029	2.837.212.995.029
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	7(c)	613.705.350.635	613.705.350.635
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	7(c)	569.372.362.407	569.372.362.407
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(598.119.994.966)	(562.660.735.568)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	20.868.879.905	20.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		161.357.424.558	204.285.658.662
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	60.210.839.127	65.456.582.932
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	86.705.645.303	126.655.453.828
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	14.440.940.128	12.173.621.902
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.658.912.759.807	25.436.226.398.988

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

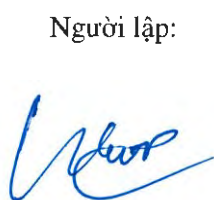
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.329.869.642.765	6.469.730.925.708
Nợ ngắn hạn	310		5.239.601.766.785	6.378.330.653.010
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	2.461.645.683.675	3.459.074.140.936
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.639.878.967	12.729.716.548
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19(a)	627.688.346.851	462.218.006.085
Phải trả người lao động	314		29.893.062.960	49.324.640.145
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.189.570.374.242	223.444.283.266
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	840.831.094.838	2.097.686.577.317
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	78.333.325.252	73.853.288.713
Nợ dài hạn	330		90.267.875.980	91.400.272.698
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	51.602.316.000	51.602.316.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	38.665.559.980	39.797.956.698
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		20.329.043.117.042	18.966.495.473.280
Vốn chủ sở hữu	410	24	20.329.043.117.042	18.966.495.473.280
Vốn cổ phần	411	25	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	760.819.802.040	760.819.802.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.155.411.455.002	11.792.863.811.240
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.830.942.032.240	8.212.067.039.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.324.469.422.762	3.580.796.772.200
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.658.912.759.807	25.436.226.398.988

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Ngô Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
01	29	19.041.759.662.928	15.556.183.173.438
02	29	15.704.218.428	6.239.991.997
10	29	19.026.055.444.500	15.549.943.181.441
11	30	15.956.175.582.778	13.195.142.846.999
20		3.069.879.861.722	2.354.800.334.442
21	31	1.368.766.229.869	1.492.477.086.139
22	32	48.391.450.062	(15.818.404.764)
25	33	1.492.097.728.884	1.724.486.791.332
26	34	143.697.232.448	81.116.838.994
30		2.754.459.680.197	2.057.492.195.019
31		410.686.694	74.631.491.372
32		4.289.362.948	1.634.935.115
40		(3.878.676.254)	72.996.556.257
50		2.750.581.003.943	2.130.488.751.276
51	36	330.718.207.042	219.994.569.317
52	36	39.949.808.525	13.688.879.876
60		2.379.912.988.376	1.896.805.302.083

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc




Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
		Thuyết minh	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.750.581.003.943	2.130.488.751.276
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		69.353.611.632	70.957.398.256
Các khoản dự phòng	03		35.705.682.962	(61.136.134.242)
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		683.912.858	(2.345.236.498)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.349.088.116.224)	(1.477.950.994.972)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	07		-	(73.817.939.085)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.507.236.095.171	586.195.844.735
Biến động các khoản phải thu	09		(334.597.908.518)	(64.899.161.072)
Biến động hàng tồn kho	10		(175.433.145.499)	(52.286.382.522)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		134.414.074.739	518.037.692.063
Biến động chi phí trả trước	12		(68.936.035.173)	(2.040.265.738)
			1.062.683.080.720	985.007.727.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(343.434.133.238)	(185.235.291.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(34.740.525.791)	(32.427.002.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		684.508.421.691	767.345.433.306

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(7.032.955.354)	(24.894.938.297)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(9.156.000.000.000)	(6.693.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		8.257.000.000.000	6.043.000.000.000
Tiền chi đầu tư các đơn vị khác	25		(39.990.000.000)	
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	409.861.993.444
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.258.448.475.036	1.153.888.324.233
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		312.425.519.682	888.855.379.380
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.244.474.966.475)	(961.918.235.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.244.474.966.475)	(961.918.235.275)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.247.541.025.102)	694.282.577.411
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.611.792.885.629	987.216.978.696
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(118.414.849)	(16.950.393)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	1.364.133.445.678	1.681.482.605.714

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải Khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cấu trúc của Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Tổng Công ty, Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh và Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi, là hai nhà máy hoạt động và hạch toán độc lập, chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Địa chỉ
Nhà máy bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Nhà máy bia Sài Gòn - Củ Chi	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	Khu C1, Đường D3, Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Thị trấn Củ Chi, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp (1/1/2022: 25 công ty con sở hữu trực tiếp và 13 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đầu tư trực tiếp), như được trình bày ở Thuyết minh 7(b).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư gián tiếp vào 1 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 1 công ty con và 5 công ty liên kết), chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	30/6/2022		1/1/2022	
				% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây							
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Lô S, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng và nước tinh khiết đóng chai	51,00%	100%	51,00%	100%
Các công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Tư vấn và Chuyên giao Công nghệ Thành Nam	50A Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
2	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	3E/5, Đường Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26,00%	26,00%	26,00%	26,00%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Lô B5, Khu Công Nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	10,20%	20,00%	10,20%	20,00%
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
5	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Lô 22, KCN Trà Nóc 1, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 815 nhân viên (1/1/2022: 804 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 6 năm |



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 40 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 43 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động

Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán các loại bia bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tổng Công ty được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia, bao gồm hàng hóa và thành phẩm;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tổng Công ty và tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tổng Công ty. Thuyết minh 29 và Thuyết minh 30 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Theo đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	64.133.445.678	91.792.885.629
Các khoản tương đương tiền	1.300.000.000.000	2.520.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.364.133.445.678	2.611.792.885.629

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 2,70% đến 4,00% một năm (1/1/2022: 3,75% một năm).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,90% đến 5,50% một năm (1/1/2022: 3,75% đến 5,20% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản đầu tư của Tổng Công ty vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

	30/6/2022			1/1/2022		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty con (i)	2.877.202.995.029	(170.583.360.844)	2.706.619.634.185	2.837.212.995.029	(147.185.283.844)	2.690.027.711.185
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (ii)	613.705.350.635	(100.225.000.000)	513.480.350.635	613.705.350.635	(88.552.228.802)	525.153.121.833
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (iii)	569.372.362.407	(327.311.634.122)	242.060.728.285	569.372.362.407	(326.923.222.922)	242.449.139.485
	4.060.280.708.071	(598.119.994.966)	3.462.160.713.105	4.020.290.708.071	(562.660.735.568)	3.457.629.972.503

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	51,00%	100.424.933.209	366.584.940.000	-	51,00%	100.424.933.209	377.758.785.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	62,06%	236.167.400.000	97.863.900.000	(138.303.500.000)	62,06%	236.167.400.000	111.543.800.000	(124.623.600.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	66,56%	299.548.230.160	906.406.800.000	-	66,56%	299.548.230.160	796.849.700.000	-
▪ Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	91,75%	208.414.271.535	(*)	-	91,75%	208.414.271.535	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	51,24%	17.650.697.182	53.131.207.350	-	51,24%	17.650.697.182	43.472.385.150	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	54,73%	76.324.868.844	44.045.008.000	(32.279.860.844)	54,73%	76.324.868.844	53.763.185.000	(22.561.683.844)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	68,78%	314.250.000.000	351.344.400.000	-	68,78%	314.250.000.000	368.305.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	52,11%	93.800.000.000	228.778.200.000	-	52,11%	93.800.000.000	231.320.180.000	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	100%	700.000.000.000	(*)	-	100%	700.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	90,00%	37.422.345.046	(*)	-	90,00%	37.422.345.046	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	95,07%	37.369.732.632	(*)	-	95,07%	37.369.732.632	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	94,45%	83.141.000.000	(*)	-	94,45%	83.141.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	91,24%	54.546.288.176	(*)	-	91,24%	54.546.288.176	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	90,00%	36.541.448.653	(*)	-	90,00%	36.541.448.653	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	90,14%	55.799.775.209	(*)	-	90,14%	55.799.775.209	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	90,68%	36.362.195.948	(*)	-	90,68%	36.362.195.948	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	90,00%	36.265.364.767	(*)	-	90,00%	36.265.364.767	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	90,00%	36.798.955.472	(*)	-	90,00%	36.798.955.472	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	100%	59.365.663.690	(*)	-	100%	59.365.663.690	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	90,45%	36.000.000.000	(*)	-	90,45%	36.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	100%	120.000.000.000	(*)	-	100%	120.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	76,81%	55.174.824.506	(*)	-	76,81%	55.174.824.506	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	100%	10.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn	100%	40.000.000.000	(*)	-	100%	10.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	52,91%	105.825.000.000	(*)	-	52,91%	105.825.000.000	(*)	-
		<u>2.877.202.995.029</u>		<u>(170.583.360.844)</u>		<u>2.837.212.995.029</u>		<u>(147.185.283.844)</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty con trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.837.212.995.029	2.837.212.995.029
Tăng trong kỳ	39.990.000.000	-
Số dư cuối kỳ	2.877.202.995.029	2.837.212.995.029

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)	28,35%	4.725.000.000	(*)	(4.725.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	26,00%	26.000.000.000	(*)	-	26,00%	26.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27,03%	33.787.500.000	54.560.055.000	-	27,03%	33.787.500.000	62.010.198.750	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	32,22%	103.174.711.495	393.350.146.700	-	32,22%	103.174.711.495	410.661.400.100	-
▪ Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)	29,00%	72.500.000.000	(*)	(72.500.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	20,00%	30.000.000.000	(*)	-	20,00%	30.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20,00%	23.000.000.000	(*)	(23.000.000.000)	20,00%	23.000.000.000	(*)	(11.327.228.802)
▪ Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	25,00%	43.111.007.200	(*)	-	25,00%	43.111.007.200	(*)	-
▪ Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	30,00%	113.224.326.586	(*)	-	30,00%	113.224.326.586	(*)	-
▪ Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	30,00%	86.338.395.824	(*)	-	30,00%	86.338.395.824	(*)	-
▪ Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	35,00%	26.212.239.000	(*)	-	35,00%	26.212.239.000	(*)	-



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các công ty liên liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (tiếp theo)

Tên công ty	30/6/2022				1/1/2022			
	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	45,00%	31.632.170.530	(*)	-	45,00%	31.632.170.530	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	20,00%	20.000.000.000	(*)	-	20,00%	20.000.000.000	(*)	-
		<u>613.705.350.635</u>		<u>(100.225.000.000)</u>		<u>613.705.350.635</u>		<u>(88.552.228.802)</u>



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2022			1/1/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao bì Sài Gòn	46.000.000.000	(*)	-	46.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	23.353.223.400	(28.121.916.600)	51.475.140.000	23.741.634.600	(27.733.505.400)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
▪ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	9.261.000.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	10.584.000.000	(30.700.950.000)
▪ Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	19.690.000.000	(*)	-	19.690.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	126.429.237.491	(*)	-	126.429.237.491	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
▪ Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
▪ Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
	<u>569.372.362.407</u>		<u>(327.311.634.122)</u>	<u>569.372.362.407</u>		<u>(326.923.222.922)</u>

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	569.372.362.407	785.951.682.407
Thanh lý trong kỳ		- (216.579.320.000)
Số dư cuối kỳ	569.372.362.407	569.372.362.407

(iv) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	562.660.735.568	592.945.712.696
Dự phòng trích lập trong kỳ	35.459.259.398	22.095.766.910
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ		- (43.335.624.880)
Số dư cuối kỳ	598.119.994.966	571.705.854.726

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	400.686.341.495	162.330.855.698
Các khách hàng khác	178.314.715.314	54.565.829.448
	579.001.056.809	216.896.685.146

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	400.686.341.495	162.330.855.698
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	28.089.007.555	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	15.485.817.624	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	7.986.717.878	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	7.929.263.712	1.546.159.544
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	5.678.690.528	221.742.730
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	5.518.534.315	2.841.417.388
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	1.429.664.602	-
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	1.047.482.940	4.502.914.095
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	32.993.787	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây	21.945.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	14.016.240	-
Công ty Cổ phần Thương mại Trung tâm Bia Sài Gòn	2.430.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	-	27.283.300
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	64.657.573.743	1.985.236.782
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	14.407.580.662	7.242.299.241
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	6.748.137.208	3.699.895.975
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	3.522.812.080	7.519.852.505
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	2.547.807.337	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	2.443.661.640	3.434.688.316
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây	2.297.867.343	14.050.781.522
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	2.280.396.436	1.277.134.669

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của các khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	345.125.550.681	306.146.589.017
Phải thu về cổ tức	275.524.905.267	223.865.285.610
Phải thu ngắn hạn khác	39.192.704.459	63.165.432.387
	937.073.893.950	870.408.040.557

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	5.890.500	306.673.790
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	98.373.600.000	98.373.600.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	97.670.554.219	113.044.593.089
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	40.549.065.667	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	16.649.645.983	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	5.545.239.590	5.863.030.735
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	1.537.050.000	46.081.811
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	1.517.521.142	369.753.366
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	1.332.893.428	972.804.468
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	29.700.000	29.700.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	352.871	211.463.734
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	-	1.424.885.092
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	-	1.243.263.529
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	999.384.076
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	-	891.524.313
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	9.620.124.736	1.200.527.483
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	4.076.625.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	100.402.696	148.135.641
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	62.089.334	2.904.504.818
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	-	3.567.403.781
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	1.934.558.495
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	1.872.549.705
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	994.748.905
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	-	743.181.047
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	-	637.611.615
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	6.455.989

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	328.073.502.218	328.073.502.218
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.395.332.561	10.382.102.561
Phải thu dài hạn khác	8.018.865.000	8.018.865.000
	346.487.699.779	346.474.469.779

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	Số ngày quá hạn	30/6/2022			Số ngày quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trên 2 năm	3.674.748.890	(3.674.748.890)	-	Trên 2 năm	3.674.748.890	(3.674.748.890)	-
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 2 năm	320.160.761.240	(320.160.761.240)	-	Trên 2 năm	320.160.761.240	(320.160.761.240)	-
		<u>323.835.510.130</u>	<u>(323.835.510.130)</u>	-		<u>323.835.510.130</u>	<u>(323.835.510.130)</u>	-

(b) Dài hạn

	Số ngày quá hạn	30/6/2022			Số ngày quá hạn	1/1/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 2 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-	Trên 2 năm	8.000.000.000	(8.000.000.000)	-
		<u>32.868.879.905</u>	<u>(32.868.879.905)</u>	-		<u>32.868.879.905</u>	<u>(32.868.879.905)</u>	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	151.362.180.080	-	87.020.314.604	-
Nguyên vật liệu	228.638.359.836	(2.253.326.126)	145.774.473.960	(7.770.607.977)
Công cụ và dụng cụ	42.472.770.721	(21.893.862.027)	25.895.369.749	(19.986.495.030)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.973.965.878	-	69.478.655.598	-
Thành phẩm	14.169.415.561	-	15.991.666.985	-
Hàng hóa	5.856.988.999	-	2.003.711.324	-
	515.473.681.075	(24.147.188.153)	346.164.192.220	(27.757.103.007)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 24.147 triệu VND (1/1/2022: 27.757 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	27.757.103.007	23.891.388.527
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.941.528.905	1.120.478.044
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(4.643.720.052)	(299.543.789)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(907.723.707)	(34.231.108)
Số dư cuối kỳ	24.147.188.153	24.678.091.674

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	46.281.777.791	(31.840.837.663)	41.065.844.854	(28.892.222.952)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	28.892.222.952	27.885.194.853
Dự phòng trích lập trong kỳ	5.445.639.167	2.018.324.288
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(2.497.024.456)	(2.450.703.154)
Số dư cuối kỳ	31.840.837.663	27.452.815.987

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	126.657.841.364	48.178.016.028
Công cụ và dụng cụ	3.540	2.848.259.220
Chi phí trả trước khác	6.711.965.666	8.161.756.344
Số dư cuối kỳ	133.369.810.570	59.188.031.592

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tài sản chờ góp vốn đầu tư (*) VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ và các chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	51.602.316.000	8.058.651.394	5.795.615.538	65.456.582.932
Tăng trong kỳ	-	-	3.058.223.958	3.058.223.958
Phân bổ trong kỳ	-	(5.246.287.073)	(3.057.680.690)	(8.303.967.763)
Số dư cuối kỳ	51.602.316.000	2.812.364.321	5.796.158.806	60.210.839.127

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 21(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	583.406.671.195	2.899.805.524.610	60.752.918.781	115.634.842.828	3.659.599.957.414
Tăng trong kỳ	-	411.400.000	-	403.768.000	815.168.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	720.597.273	-	-	720.597.273
Số dư cuối kỳ	583.406.671.195	2.900.937.521.883	60.752.918.781	116.038.610.828	3.661.135.722.687
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	453.858.665.860	2.532.294.745.180	53.885.286.346	99.638.567.984	3.139.677.265.370
Khấu hao trong kỳ	7.893.456.524	50.568.979.924	1.370.310.769	4.173.030.042	64.005.777.259
Số dư cuối kỳ	461.752.122.384	2.582.863.725.104	55.255.597.115	103.811.598.026	3.203.683.042.629
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	129.548.005.335	367.510.779.430	6.867.632.435	15.996.274.844	519.922.692.044
Số dư cuối kỳ	121.654.548.811	318.073.796.779	5.497.321.666	12.227.012.802	457.452.680.058



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 2.330.564 triệu VND (1/1/2022: 2.273.691 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 62.460 triệu VND (1/1/2022: 62.427 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tổng Công ty cho các công ty con và công ty liên kết thuê có thu phí tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 86.394 triệu VND (1/1/2022: 86.394 triệu VND).

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	917.286.855.722	64.799.120.047	982.085.975.769
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	400.000.000	400.000.000
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	917.286.855.722	65.199.120.047	982.485.975.769
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	66.057.694.869	63.848.308.145	129.906.003.014
Khấu hao trong kỳ	2.104.443.828	313.885.451	2.418.329.279
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	68.162.138.697	64.162.193.596	132.324.332.293
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	851.229.160.853	950.811.902	852.179.972.755
Số dư cuối kỳ	849.124.717.025	1.036.926.451	850.161.643.476

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 62.710 triệu VND (1/1/2022: 62.573 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tổng Công ty ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa của Tổng Công ty do Ban Quyết toán cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tổng Công ty đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 21(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tổng Công ty quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tổng Công ty đang sử dụng các khu đất này cho mục đích sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Quyền sử dụng đất cho các khu đất này chỉ có tính tạm thời, Tổng Công ty không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại, hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tổng Công ty chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong kỳ Tổng Công ty cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chi phí thuê đất và thuế đất với số tiền là 14.973 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 15.153 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	12.072.940.855	33.789.688.191	45.862.629.046
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.563.698.224	11.771.038.945	16.334.737.169
Khấu hao trong kỳ	140.798.298	2.788.706.796	2.929.505.094
Số dư cuối kỳ	4.704.496.522	14.559.745.741	19.264.242.263
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	7.509.242.631	22.018.649.246	29.527.891.877
Số dư cuối kỳ	7.368.444.333	19.229.942.450	26.598.386.783

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Tổng Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	24.342.956.863	11.252.785.047
Tăng trong kỳ	5.943.005.511	19.170.139.891
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(720.597.273)	(14.497.562.100)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(400.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	29.165.365.101	15.925.362.838

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	58.846.141.136	58.597.038.770
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	14.357.587.337	54.424.238.197
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	11.197.605.163	11.329.865.194
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.304.311.667	2.304.311.667
		86.705.645.303	126.655.453.828

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	278.085.988.468	559.509.431.031
Các nhà cung cấp khác	2.183.559.695.207	2.899.564.709.905
		2.461.645.683.675
		3.459.074.140.936

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm	156.105.711.539	204.862.877.426
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	126.131.883.860	192.711.435.796
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	93.729.635.975	30.836.301.628
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	90.159.118.656	22.639.469.383
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	85.730.678.954	99.515.562.089
Công ty Cổ Phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	77.061.255.886	106.720.444.795
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	76.399.800.814	82.782.310.744
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	67.435.668.850	13.738.467.546
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	56.007.130.225	124.202.130.816
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	55.867.235.016	320.450.501.735
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	54.588.481.658	12.390.270.124
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	49.610.750.568	106.970.678.791
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	49.350.221.250	84.777.769.165
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	48.944.370.923	5.024.200.993
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	34.764.231.633	123.155.250.805
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	23.528.883.240	21.320.165.900
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	22.194.226.308	7.465.509.571
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	13.645.476.363	4.813.800.819
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	7.773.724.750	2.046.828.960
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	5.993.250.246	9.783.653.016
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	5.106.087.360	1.583.934.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	546.972.431	26.903.030
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	180.847.497	388.984.493

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan (tiếp theo)

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	278.085.988.468	559.509.431.031
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	28.071.947.251	25.125.466.293
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	11.953.620.250	10.309.697.221
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	11.124.018.246	4.910.444.105
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	10.982.995.274	1.085.700.022
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	8.758.617.659	2.593.540.527
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.353.389.000	5.734.713.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	8.111.103.991	44.420.956.582
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	5.088.903.600	138.549.325
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	3.096.596.250	1.133.114.400
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	2.800.335.940	1.656.446.388
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	146.021.124.744	157.679.350.594
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	25.438.168	62.508.352

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	251.851.751.320	1.439.489.958.271	(1.422.275.384.324)	-	269.066.325.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	197.068.124.305	330.718.207.042	(343.434.133.238)	-	184.352.198.109
Thuế giá trị gia tăng	-	2.448.675.188.896	(313.784.027.734)	(1.970.724.848.262)	164.166.312.900
Thuế thu nhập cá nhân	10.456.313.409	23.307.442.908	(26.427.077.730)	-	7.336.678.587
Thuế xuất nhập khẩu	-	242.514.576	(242.514.576)	-	-
Thuế đất và tiền thuê đất	1.581.049.815	15.109.090.657	(12.874.314.193)	(2.234.776.464)	1.581.049.815
Thuế tài nguyên	4.840.480	21.663.440	(21.889.280)	-	4.614.640
Các loại thuế khác	1.255.926.756	59.481.493.629	(59.556.252.852)	-	1.181.167.533
	462.218.006.085	4.317.045.559.419	(2.178.615.593.927)	(1.972.959.624.726)	627.688.346.851

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phân loại lại VND	30/6/2022 VND
Tiền thuê đất	25.042.401.904	(2.234.776.464)	22.807.625.440

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.144.134.069.909	198.838.540.908
Chi phí phải trả khác	45.436.304.333	24.605.742.358
	1.189.570.374.242	223.444.283.266

21. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trả cho các công ty con	42.236.388.197	42.236.388.197
Cổ tức phải trả	8.123.927.550	1.290.677.115.025
Phải trả ngắn hạn khác	55.090.906.391	29.393.201.395
	840.831.094.838	2.097.686.577.317

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited	763.463.289	448.149.450
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited	3.577.756.394	1.727.126.808
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage	-	687.285.174.000
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại		
Bia Sài Gòn	25.517.600.272	25.517.600.272
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be co	10.279.084.712	10.279.084.712
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	9.388.499.417	8.988.336.717
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	3.887.463.565	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	1.522.160.540	1.522.160.540
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	926.810.551	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	739.328.874	739.328.874
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	581.985.223	12.932.851
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	524.107.100	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	437.717.745	437.717.745
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	217.113.949	102.571.168
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	195.775.466	195.775.466
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	106.561.973	106.561.973
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	82.229.450	82.229.450
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	52.063.478	52.063.478
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	50.288.684	-
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	1.791.526.248	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	1.168.888.247	287.780.949
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	803.351.122	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	798.288.289	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn Tây Đô	596.000.403	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	349.362.294	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	93.528.966	193.871.822
Các bên liên quan khác		
Chang International Co., Ltd.	2.809.912.782	750.049.954
Super Brands Company Pte. Ltd.	2.477.547.727	2.477.547.727
Chang Beer Co., Ltd.	1.623.154.442	743.116.593
Fraser and Neave, Limited	626.614.560	626.614.560

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước (Thuyết minh 12(b))	51.602.316.000	51.602.316.000

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	73.853.288.713	55.826.503.442
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	38.088.165.612	26.577.879.690
Điều chuyển về các công ty con	(2.918.590.629)	(2.463.701.939)
Sử dụng trong kỳ	(30.689.538.444)	(31.729.180.073)
Số dư cuối kỳ	78.333.325.252	48.211.501.120

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.797.956.698	82.323.187.723
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(40.284.831.661)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.132.396.718)	(697.822.278)
Số dư cuối kỳ	38.665.559.980	41.340.533.784

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	6.412.811.860.000	760.819.802.040	10.456.551.190.040	17.630.182.852.080
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.896.805.302.083	1.896.805.302.083
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(26.577.879.690)	(26.577.879.690)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2021	6.412.811.860.000	760.819.802.040	11.364.856.833.433	18.538.488.495.473
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.737.147.229.501	1.737.147.229.501
Cổ tức	-	-	(1.282.562.372.000)	(1.282.562.372.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(26.577.879.694)	(26.577.879.694)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	6.412.811.860.000	760.819.802.040	11.792.863.811.240	18.966.495.473.280
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	2.379.912.988.376	2.379.912.988.376
Cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(38.088.165.612)	(38.088.165.612)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(17.355.400.002)	(17.355.400.002)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	6.412.811.860.000	760.819.802.040	13.155.411.455.002	20.329.043.117.042

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022	và 1/1/2022
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 ngày 30 tháng 6 năm 2021.

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 14 tháng 2 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 961.922 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 961.922 triệu VND, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	19.525.256.105	31.971.494.784
Từ hai đến năm năm	9.221.935.704	9.889.602.553
Sau năm năm	48.632.327.927	49.772.394.156
	<hr/>	<hr/>
	77.379.519.736	91.633.491.493

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ các bên khác

	Đơn vị	30/6/2022	1/1/2022
Chai	cái	1.390.820	-
Kết nhựa	cái	138.411	77.064
Pallet	cái	4.604	4.453
		<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	306.768	7.095.545.691	142.904	3.233.203.679
EUR	819	19.559.358	1.339	33.982.481
AUD	17.858	281.881.742	17.871	291.916.251
		<hr/>		<hr/>
		7.396.986.791		3.559.102.411

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	23.378.014.064	14.014.948.272

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	13.210.237.198.756	10.852.185.905.926
▪ Bán nguyên vật liệu	3.779.796.335.664	2.928.798.627.406
▪ Bán thành phẩm	2.024.927.113.072	1.747.537.251.107
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	3.464.417.071.343	3.001.736.304.520
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(1.439.489.958.271)</i>	<i>(1.254.199.053.413)</i>
▪ Doanh thu khác	26.799.015.436	27.661.388.999
	19.041.759.662.928	15.556.183.173.438
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	15.704.218.428	6.239.991.997
Doanh thu thuần	19.026.055.444.500	15.549.943.181.441

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	11.028.937.187.920	9.240.056.925.330
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	3.764.786.009.487	2.919.260.229.246
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.158.136.412.445	1.031.437.492.443
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	246.423.564	388.555.389
Giá vốn khác	4.069.549.362	3.999.644.591
	15.956.175.582.778	13.195.142.846.999

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia	933.800.043.663	897.122.801.981
Thu nhập lãi tiền gửi	415.288.072.561	387.543.327.347
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	193.284.865.644
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.678.113.645	11.565.138.113
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.345.236.498
Doanh thu tài chính khác	-	615.716.556
	1.368.766.229.869	1.492.477.086.139

32. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	35.459.259.398	(21.239.857.970)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.248.277.806	4.805.736.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	683.912.858	-
Chi phí tài chính khác	-	615.716.556
	48.391.450.062	(15.818.404.764)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	828.707.022.768	854.144.062.957
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	625.047.220.195	843.270.441.263
Chi phí nhân viên	29.200.986.735	16.999.331.158
Chi phí bán hàng khác	9.142.499.186	10.072.955.954
	1.492.097.728.884	1.724.486.791.332

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	85.408.020.323	56.860.386.783
Chi phí thuê	18.717.519.233	18.783.340.446
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.654.438.154	6.697.447.009
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(40.284.831.661)
Chi phí quản lý khác	33.917.254.738	39.060.496.417
	143.697.232.448	81.116.838.994

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	952.351.516.275	827.041.683.184
Chi phí nhân công và nhân viên	183.755.691.787	117.768.219.060
Chi phí khấu hao và phân bổ	69.353.611.632	70.957.398.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.595.288.354.874	1.816.888.494.318

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	330.718.207.042	219.994.569.317
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	39.949.808.525	13.688.879.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	370.668.015.567	233.683.449.193

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.750.581.003.943	2.130.488.751.276
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	550.116.200.789	426.097.750.255
Thu nhập không bị tính thuế	(186.760.008.733)	(179.424.560.396)
Chi phí không được khấu trừ thuế	10.947.319.965	1.696.174.498
Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(3.635.496.454)	(14.685.915.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	370.668.015.567	233.683.449.193

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Thai Beverage Public Company Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	452.988.919	4.983.656.702
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hộ cho Tổng Công ty	6.361.624.646	3.867.931.798
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Cổ tức đã trả	515.463.880.500	515.463.880.500
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	106.649.260.600	87.687.381.200
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Bán nguyên vật liệu	82.269.067.896	68.298.840.579
Mua hàng hóa	218.738.943.200	202.191.648.753
Cung cấp dịch vụ	188.752.800	188.752.800
Cổ tức nhận được	1.537.050.000	1.537.050.000
Các giao dịch khác	51.215.064	44.498.808
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội		
Bán nguyên vật liệu	193.767.787.498	152.903.822.478
Mua hàng hóa	557.464.919.900	524.752.575.840
Cổ tức nhận được	18.760.000.000	14.070.000.000
Các giao dịch khác	415.247.018	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	23.142.635.290	15.663.329.627
Mua hàng hóa	111.744.816.410	85.100.390.330
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi		
Bán nguyên vật liệu	580.060.429.621	382.960.235.221
Mua hàng hóa	1.547.925.403.644	1.113.139.123.330
Cổ tức nhận được	44.925.000.000	-
Các giao dịch khác	256.606.800	381.647.919

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam		
Bán nguyên vật liệu	273.708.935.622	219.041.847.385
Mua hàng hóa	888.050.328.660	715.038.665.660
Cổ tức nhận được	-	15.475.000.000
Các giao dịch khác	74.149.845	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán nguyên vật liệu	32.782.834.262	46.313.332.330
Mua hàng hóa	173.070.623.670	234.665.241.920
Cổ tức nhận được	11.092.500.000	22.185.000.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Bán nguyên vật liệu	190.228.500	127.102.500
Mua hàng hóa	1.583.514.852	541.047.204
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	567.955.200	428.936.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	62.019.242.887	52.632.082.225
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.558.965.081	7.166.087.324
Mua hàng hóa	14.191.940	-
Cổ tức nhận được	26.654.352.419	11.110.221.055
Các giao dịch khác	1.684.466.017	1.966.843.560
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	38.193.227.258	30.649.433.916
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.328.785.135	4.675.732.380
Mua hàng hóa	22.091.000	-
Cổ tức nhận được	24.974.468.974	28.872.972.000
Các giao dịch khác	780.689.600	293.519.514
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	85.427.860.453	82.684.946.013
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.235.350.225	7.448.202.916
Mua hàng hóa	1.146.205.760	2.306.220.740
Cổ tức nhận được	77.549.065.667	70.721.398.467
Bán nguyên vật liệu	70.755.000	12.842.500
Các giao dịch khác	2.017.713.696	149.639.039
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	96.185.226.122	99.938.079.610
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.608.227.910	10.714.068.992
Bán nguyên vật liệu	-	9.055.000
Các giao dịch khác	779.422.820	438.240.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	51.414.575.414	41.942.921.111
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.776.322.417	4.342.917.304
Mua hàng hóa	27.112.960	-
Bán nguyên vật liệu	30.549.803	-
Các giao dịch khác	226.808.091	492.161.900
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	75.135.147.983	65.071.146.564
Chi phí vật phẩm quảng cáo	2.637.095.420	6.757.748.140
Mua hàng hóa	9.082.200	-
Cung cấp dịch vụ	514.440.000	408.960.000
Cổ tức nhận được	-	43.200.000.000
Các giao dịch khác	830.086.351	694.590.980
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	85.879.548.435	177.338.136.283
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.034.355.019	12.427.177.928
Mua hàng hóa	9.082.200	2.836.380
Cổ tức nhận được	100.905.726.254	-
Bán nguyên vật liệu	2.249.985	-
Các giao dịch khác	1.537.899.900	4.549.721.034
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	108.862.348.889	104.808.077.329
Chi phí vật phẩm quảng cáo	4.182.779.351	12.487.191.024
Các giao dịch khác	1.301.893.000	3.555.675.700
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	66.764.328.802	50.772.604.881
Chi phí vật phẩm quảng cáo	3.063.464.082	5.246.012.596
Mua hàng hóa	-	9.082.200
Các giao dịch khác	780.064.960	953.067.330
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm		
Hỗ trợ chi phí bán hàng	152.830.075.339	146.101.007.500
Chi phí vật phẩm quảng cáo	5.083.949.632	10.660.374.560
Mua hàng hóa	3.819.402.900	3.773.321.900
Bán nguyên vật liệu	7.936.470	1.858.500
Các giao dịch khác	799.830.870	192.537.340
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	220.954.645.672	188.455.426.714
Cung cấp dịch vụ	777.057.894	777.057.894
Mua hàng hóa	637.190.851.360	541.415.787.260
Phân phối lợi nhuận	38.491.501.969	31.247.572.521
Các giao dịch khác	99.302.394	-

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng		
Bán nguyên vật liệu	221.247.328.085	204.404.488.895
Mua hàng hóa	585.128.829.890	586.080.020.260
Các giao dịch khác	129.191.952	197.075.751
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ bảo trì	19.253.887.285	17.682.201.097
Mua hàng hóa	6.164.163.660	9.234.832.050
Cổ tức nhận được	1.146.362.114	4.016.952.736
Các giao dịch khác	64.210.501	58.117.392
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa và thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	15.169.182.559.709	12.547.854.237.367
Phân phối lợi nhuận	502.130.841.683	463.001.854.637
Mua hàng hóa	5.172.102.720	4.424.490.440
Chi phí vận chuyển	679.588.085	396.808.123
Chi phí thuê pallet	2.709.191.790	1.946.780.237
Chi phí sử dụng vỏ chai	3.003.263.145	1.828.379.000
Cung cấp dịch vụ	5.673.036.000	8.915.308.915
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng		
Bán nguyên vật liệu	405.371.410.878	323.867.903.915
Cung cấp dịch vụ	23.058.000	-
Mua hàng hóa	1.136.753.316.170	987.523.899.600
Cổ tức nhận được	10.582.500.000	10.582.500.000
Các giao dịch khác	679.337.398	150.806.805
Các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	119.494.068.987	80.901.258.670
Mua hàng hóa	300.772.537.070	248.421.532.710
Mua khác	30.857.574	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	189.815.855.194	122.905.094.696
Mua hàng hóa	543.893.578.090	384.010.507.910
Các giao dịch khác	-	115.720.224
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	233.027.669.831	189.533.031.464
Mua hàng hóa	756.768.168.890	631.157.353.180
Cổ tức nhận được	9.617.363.000	-
Các giao dịch khác	137.113.197	115.923.915

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	82.027.956.063	85.980.881.615
Mua hàng hóa	239.809.027.010	286.098.020.150
Cổ tức nhận được	5.068.125.000	3.378.750.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán nguyên vật liệu	200.788.914.539	125.976.179.094
Bán hàng hóa	29.673.000	25.956.000
Cung cấp dịch vụ	1.600.858.098	1.600.858.098
Mua hàng hóa	556.817.467.610	399.310.990.760
Cổ tức nhận được	4.500.000.000	5.100.000.000
Các giao dịch khác	1.132.920	110.858.472
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	185.851.784.367	158.673.752.058
Mua hàng hóa	588.672.057.250	460.926.136.010
Cổ tức nhận được	2.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	285.128.545.271	157.038.469.731
Mua hàng hóa	848.055.898.870	501.449.509.530
Cổ tức nhận được	7.186.150.000	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	1.283.859.020.182	857.421.933.862
Cổ tức nhận được	-	136.091.200.930
Các giao dịch khác	544.797.796	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	48.933.086.000	53.817.919.000
Cổ tức nhận được	7.344.805.800	-
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh		
Mua dịch vụ	1.950.789.000	1.846.213.523
Cổ tức nhận được	36.452.730.783	32.650.829.635
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	140.043.658.804	101.382.439.588
Mua hàng hóa	377.428.101.760	313.441.348.410
Mua khác	22.934.652	-
Cổ tức nhận được	2.881.500.000	2.881.500.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	33.975.558.506	27.531.808.465
Mua hàng hóa	168.674.255.600	167.940.074.730
Các giao dịch khác	-	33.295.500

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua vật liệu bao bì	583.564.682.085	321.395.373.634
InterBev (Singapore) Limited		
Bán hàng hóa	-	267.256.260
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	592.711.691	537.221.855
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	-	1.622.692.728
Fraser and Neave, Limited		
Chi hộ Tổng Công ty	-	1.121.310.323
Chang International Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	2.809.912.782	3.168.650.621
Chang Beer Co., Ltd.		
Chi hộ Tổng Công ty	2.971.383.258	-
Công ty TNHH S.A.S. CTAMAD		
Cung cấp dịch vụ	45.549.000	55.899.997
Thipchalothon Co., Ltd.		
Bán hàng hóa	320.922.000	-
Hội đồng Quản trị		
<i>Lương, thưởng và thù lao</i>		
Ông Koh Poh Tiong – Chủ tịch	-	-
Ông Pramoad Phornprapha – Thành viên	364.000.000	328.560.000
Ông Nguyễn Tiến Vy – Thành viên	532.000.000	512.560.000
Ông Michael Chye Hin Fah – Thành viên	364.000.000	328.560.000
Bà Trần Kim Nga – Thành viên	364.000.000	328.560.000
Ông Lê Thanh Tuấn – Thành viên	364.000.000	104.000.000
Bà Ngô Minh Châu – Thành viên	364.000.000	104.000.000
Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thành viên	-	776.976.000
Ông Lương Thanh Hải – Thành viên	-	224.560.000
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	14.112.568.274	11.591.711.016
Ủy ban Kiểm toán		
Thù lao	546.000.000	468.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	5.052.294.724	3.881.237.737

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán

Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Koo Liang Kwee
Phó Tổng Giám đốc



Ngo Kim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

